

Án số: 11 /2019/DS - ST
Ngày 10/6/2019
(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông **Phạm Văn Trung**.
- Các Hội thẩm nhân dân:- Ông **Nguyễn Văn Kháng**.
- Bà **Nguyễn Thị Thấn**.
- Thư ký phiên tòa : Ông **Đào Quang Đích**.
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Phụng** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở, TAND huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX - ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P- Sinh năm 1960;

* **Bị đơn:** Anh Đàm Văn C – Sinh năm 1983;

* **Người làm chứng:** Chị Sái Thị Mai L –SN: 1991;

Đều có địa chỉ: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và biên bản lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P với anh Đàm Văn C có quan hệ là hàng xóm, không có họ hàng gì, vào ngày 01/3/2016 anh C có đến gia đình bà hỏi vay số tiền 45.000.000 đồng để đi chợ buôn bán hoa quả, bà đồng ý cho vay và có yêu cầu anh C viết giấy biên nhận số tiền 45.000.000 đồng vừa viết giấy xong được một lúc anh C lại hỏi vay bà thêm 5.000.000 đồng nữa, số tiền này hai bên không lập giấy, bà đồng ý và đưa tổng số tiền 50.000.000 đồng cho anh C, lãi suất do anh C tự nói với bà hàng tháng sẽ trả bà 1.500.000 đồng nhưng thực tế anh C không trả bà một đồng tiền gốc và lãi nào trong năm 2016, từ ngày 30/09/2017 đến ngày 30/12/2017 anh C mới trả bà mỗi tháng được 1.000.000 đồng, tổng cộng là 4 triệu đồng tiền lãi. Đến tháng 02/2018 anh C trả lãi cho bà được 1.500.000 đồng sau đó tháng nào bà cũng đến đòi tiền nhưng anh C không trả thì đến tháng 4/2018 bà làm đơn đề nghị UBND xã Lạc Đạo giải quyết, ngày 25/6/2018 anh C trả bà được 500.000 đồng thì ngày 27/6/2018 UBND xã Lạc Đạo mời bà và anh C đến làm việc, tại biên bản làm

việc ngày 27/6/2018 anh C xác định có nợ bà 50.000.000đ nhưng do không có công ăn, việc làm và kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ được, xin trả dần cho bà P mỗi tháng là 500.000đ trở lên cho đến khi trả hết nợ. Sau đó từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/10/2018 mỗi tháng anh C trả bà 500.000 đồng thì không trả tiền nữa, lý do bà khởi kiện anh C là do bà đến nhà đòi tiền nhưng anh C không trả mà còn chửi và thách thức bà lên bà mới khởi kiện ra TAND huyện V giải quyết. Nay bà đề nghị TAND huyện V giải quyết buộc anh Đàm Văn C trả bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng tính từ ngày 01/3/2016 đến khi xét xử sơ thẩm trừ đi số tiền lãi 7.500.000đ mà anh C đã trả cho bà, buộc anh C phải trả số tiền còn lại.

***Bị đơn anh Đàm Văn C trình bày:** Anh C xác định có vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, anh C nói miệng sẽ trả lãi suất 1.500.000đ/1 tháng và anh có viết giấy biên nhận vay tiền vào ngày 01/3/2016. Anh xác định số tiền 5.000.000đ là tiền lãi của 3 tháng anh chưa trả lên tổng số là 50.000.000 đồng chứ không phải anh vay thêm 5.000.000đ như lời bà P. Từ khi vay đến nay anh đã trả cho bà P được 20.000.000đ tiền gốc, ngoài ra hàng tháng anh vẫn trả lãi cho bà P nhưng có tháng trả, có tháng không trả. Khi trả tiền gốc và lãi cho bà P hai bên không xác nhận với nhau về việc trả nợ, không có người làm chứng. Nay anh xác định chỉ còn nợ bà P số tiền là 23.000.000 đồng, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà xác định anh C đã trả bà được tổng số 7.500.000đ trong đó có 5.500.000 đồng là tiền lãi tính từ ngày 01/3/2016, còn 2.000.000đ là tiền gốc nên tổng số tiền anh C còn nợ là 48.000.000đ, bà yêu cầu anh phải trả bà số tiền gốc 48.000.000đ và tự nguyện không yêu cầu anh C phải thanh toán tiền lãi suất cho bà.

Anh Đàm Văn C có ý kiến: Anh xác định có vay của bà P số tiền gốc 45.000.000đ theo giấy nhận nợ do anh viết và ký ngày 01/3/2016 nhưng sau đó anh đã trả cho bà P 20.000.000đ tiền gốc và hàng tháng trả lãi suất cho bà P, thời gian trả nợ gốc và lãi anh không nhớ do thời gian đã lâu và cũng không ghi vào sổ sách giấy tờ lên không có tài liệu gì chứng minh vì anh với bà P chỉ giao dịch với nhau bằng miệng, có lần trả tiền ở nhà anh, có lần trả tiền ở nhà bà P, tính đến nay anh chỉ còn nợ bà P số tiền gốc là 23.000.000đ, đề nghị HĐXX xem xét. Bà P yêu cầu anh phải trả số tiền 48.000.000đ anh không nhất trí.

Chị Sái Thị Mai L là người làm chứng có ý kiến: chị là con dâu bà P, buổi sáng ngày 01/3/2016 tại gia đình bà P chị đang ngồi trên giường cho con bú chứng kiến sự việc anh Đàm Văn C đến nhà hỏi vay mẹ chồng chị số tiền 45.000.000đ để đi làm ăn, qua trao đổi thì mẹ chị đồng ý và yêu cầu anh C viết giấy vay nợ 45.000.000đ, anh C viết giấy nợ xong, được một lúc sau anh C lại hỏi vay thêm số tiền 5.000.000đ nữa mẹ chị đồng ý và đưa tổng số tiền là 50.000.000đ cho anh C cầm trong đó có 5.000.000đ không viết giấy vay tiền, chị xác định lời khai chị là đúng sự thật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc anh Đàm Văn C phải trả cho bà P số tiền nợ gốc là 45.000.000đ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện anh Đàm Văn C số tiền 45.000.000đ bằng giấy vay nợ ngày 01/3/2016, ngoài ra anh C còn vay thêm của bà Phượng 5.000.000đ không có giấy vay nợ, tổng số nợ là 50.000.000đ, bà P đòi tiền nhiều lần anh C không trả nên bà P khởi kiện anh C ra Tòa án yêu cầu anh C phải trả tiền gốc 50.000.000đ và lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Do bà Nguyễn Thị P và anh Đàm Văn C có quan hệ là người cùng làng xóm nên bà P có cho anh C vay số tiền 45.000.000đ được thể hiện bằng giấy vay nợ ngày 01/3/2016 do anh C viết và giao cho bà P giữ, ngoài ra theo bà P trình bày, cùng thời điểm ngày 01/3/2016 bà còn cho anh C vay thêm 5.000.000đ, số tiền này hai bên không viết giấy vay nợ, tổng số tiền anh C vay của bà P là 50.000.000đ, anh C đã trả cho bà P được 7.500.000đ trong đó có 5.500.000đ tiền lãi và 2.000.000đ tiền gốc. Trong khi đó anh C trình bày chỉ vay số tiền 45.000.000đ ghi trong giấy vay nợ ngày 01/3/2016 lãi suất do hai bên tự thỏa thuận bằng miệng, anh C tự nói bằng miệng sẽ trả bà P 1.500.000đ/1 tháng vì 3 tháng đầu chưa trả cho bà P lên bà P cộng 5.000.000đ tiền lãi vào tiền gốc tổng là 50.000.000đ, ngoài ra anh C xác định khi bà P đến nhà đòi tiền anh đã trả nợ cho bà P 20.000.000đ và lãi suất hàng tháng tính đến nay anh chỉ còn nợ bà P số tiền 23.000.000đ tiền gốc.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy tại giấy vay nợ tiền bà P cung cấp người đứng tên vay tiền là anh C có nội dung như sau: “*Hôm nay ngày 01/3/2016 tôi có vay của bà P 45 triệu đồng chẵn*” anh C thừa nhận giấy vay tiền là do chính tay anh viết ra, anh có vay tiền vào ngày 01/3/2016 của bà P, không thừa nhận đã vay thêm số tiền gốc 5.000.000đ, anh C xác định số tiền này là tiền lãi của 3 tháng chưa trả, anh đã trả 20.000.000đ tiền gốc, lãi hàng tháng, tuy nhiên anh C không nhớ ngày tháng đã thanh toán, không đưa ra tài liệu chứng cứ nào để chứng minh đã trả bà P những số tiền trên nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Nguyên đơn tại phiên tòa không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất theo Ngân hàng đối với số tiền gốc bị đơn vay từ 01/3/2016 đến nay nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 5.000.000đ theo bà P khai anh C vay thêm không có trong giấy vay nợ ngày 01/3/2016 và tại lời của chị L con dâu bà, đây chỉ là lời khai của bà P và chị L, bà P cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh C đã vay thêm số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 7.500.000đ bà P xác định anh C đã trả bà trong đó có 5.500.000đ là tiền lãi và 2.000.000đ là tiền gốc đây cũng chỉ là bà P khai và ghi ra giấy không có chữ ký và xác nhận của anh C, tuy nhiên vì bà P thừa nhận nên xác định đây là lãi suất thỏa thuận giữa bà P và anh C. Do vậy HĐXX không xem xét về số tiền này.

[4]. Hội đồng xét xử kết luận: Hợp đồng vay tiền giữa bà P và anh C xác lập ngày 01/3/2016 về nội dung không xác định thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất, cả nguyên đơn và bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh liên quan đến số tiền vay thêm, số tiền trả nợ gốc, lãi và từ những căn cứ nêu trên HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ đã nộp theo biên lai số 0000063 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, trả lại bà P 950.000đ tiền tạm ứng án phí.

Anh C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc anh Đàm Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 45.000.000đ (*Bốn mươi năm triệu đồng*).

Từ khi bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chưa thi hành án khoản tiền vay, hàng tháng anh C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ đã nộp theo biên lai số 0000063 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, trả lại bà P 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Anh C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- THA dân sự huyện V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Trung